ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1546/QĐ-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 23 tháng 10 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích khai thác hải sản trên các vùng biển xa (đợt 4/2014)

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 7011
Ngày 23/10/14
Chuyển:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa;

Căn cứ Quyết định số 38/2013/QĐ-TTg ngày 26/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 16/2012/TTLT-BNN-BQP-BTC ngày 11/4/2012 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quốc phòng - Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ khai thác, nuôi trồng hải trên các vùng biển xa; Quyết định số 39/2011/QĐ-TTg ngày 11/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định hồ sơ hỗ trợ ngư dân khai thác tại vùng biển xa tại Báo cáo số 28/BC-HĐTĐ ngày 08/10/2014 về kết quả thẩm định hồ sơ hỗ trợ chi phí nhiên liệu, bảo hiểm thân tàu, thuyền viên, máy thông tin liên lạc HF cho ngư dân tham gia khai thác tại vùng biển xa đợt 4/2014; ý kiến của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2358/TTr-SNNPTNT ngày 10/10/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích khai thác, nuôi trồng hải sản và dịch vụ khai thác hải sản trên các vùng biển xa theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg ngày 13/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ (đợt 4/2014), với tổng kinh 31.908.261.000 đồng, từ nguồn kinh phí Trung ương cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh Quảng Ngãi năm 2014, bao gồm:

a) Hỗ trợ nhiên liệu: 30.942.0000.000 đồng, như Phụ lục số 1 kèm theo Quyết định này.

b) Hỗ trợ mua bảo hiểm thân tàu, bảo hiểm thuyền viên: 406.261.000 đồng, như Phụ lục số 2 kèm theo Quyết định này.

c) Hỗ trợ chi phí mua máy thông tin liên lạc HF: 560.000.000 đồng, như Phụ lục số 3 kèm theo Quyết định này.

2. Phương thức cấp và lĩnh tiền: Thực hiện theo qui định tại các khoản 5 và 6, Điều 12, Thông tư Liên tịch số 16/2011/TTLT-BNN-BQP-BTC ngày 13/4/2012 của liên Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quốc phòng - Tài chính.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chuyển kinh phí hỗ trợ nêu trên đến Kho bạc Nhà nước các huyện thông qua Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi để cấp phát cho ngư dân; chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, tham mưu UBND tỉnh báo cáo kết quả thực hiện hỗ trợ ngư dân cho Chính phủ và các Bộ ngành Trung ương theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện chịu trách nhiệm về tính chính xác số liệu, hồ sơ hỗ trợ, theo dõi, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện hỗ trợ ngư dân, đảm bảo theo đúng quy định.

3. Kho bạc Nhà nước các huyện có liên quan công khai lịch cấp tiền hỗ trợ cho ngư dân trước khi thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ cho ngư dân; tổng hợp báo cáo kết quả cấp phát kinh phí hỗ trợ cho Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi, UBND huyện sở tại; quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định.

4. Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện cấp phát kinh phí hỗ trợ cho ngư dân.

5. Có 04 trường hợp tại các số thứ tự: 81 (chuyến 3/2014), 84 (chuyến 3/2014), 326 (chuyến 2/2014), 327 (chuyến 1/2014) của Phụ lục số 1, sau khi có kết quả xác minh của Chi cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản (qua Công an tỉnh và Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng) thì mới được giải ngân.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Công an, Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND các huyện: Lý Sơn, Bình Sơn và Đức Phổ; Chủ tịch UBND thành phố Quảng Ngãi; Chi cục trưởng Chi cục Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước các huyện: Lý Sơn, Bình Sơn, Đức Phổ; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi và các chủ tàu có tên trong danh sách nêu tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
-Như Điều 4;
-TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
-CT, PCT(NL) UBND tỉnh;
-VPUB: PCVP(NL), KTTH, CB-TH;
-Lưu: VT, NN-TNldv413.

CHỦ TỊCH

Lê Viết Chữ

Phụ lục 1:

DANH SÁCH TÀU CÁ KHAI THÁC VÙNG BIỂN XA ĐƯỢC HỖ TRỢ NHIÊN LIỆU

(Kèm theo Quyết định số 1548/QĐ-UBND ngày 23 /10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
Huyện Lý Sơn					**4.545**
1	Đinh Văn Lực	An Hải - Lý Sơn	96435	Chuyến 3/2014	75
2	Dương Đức Thắng	An Hải - Lý Sơn	96095	Chuyến 2, 3/2014	150
3	Dương Văn Giàu	An Hải - Lý Sơn	96417	Chuyến 1, 2, 3/2014	90
4	Lê Đầy	An Hải - Lý Sơn	96157	Chuyến 4/2014	75
5	Lê Hùng	An Hải - Lý Sơn	96427	Chuyến 4/2014	75
6	Lê Lộc	An Hải - Lý Sơn	96329	Chuyến 1, 2, 3, 4/2014.	220
7	Nghiệp đoàn nghề cá xã An Hải	An Hải - Lý Sơn	96169	Chuyến 3/2014	75
8	Nguyễn Chín	An Hải - Lý Sơn	96399	Chuyến 1, 2, 3, 4/2014	300
9	Nguyễn Đông	An Hải - Lý Sơn	96077	Chuyến 1, 2/2014	60
10	Nguyễn Lợi	An Hải - Lý Sơn	96507	Chuyến 3, 4/2014	150
11	Nguyễn Năm	An Hải - Lý Sơn	96138	Chuyến 1/2014	55
12	Nguyễn Tấn Nhơn	An Hải - Lý Sơn	96318	Chuyến 3, 4/2014	150
13	Nguyễn Văn Dụ	An Hải - Lý Sơn	96554	Chuyến 3/2014	55
14	Nguyễn Văn Tuấn	An Hải - Lý Sơn	96355	Chuyến 3/2014	75
15	Trần Văn Định	An Hải - Lý Sơn	96291	Chuyến 4/2014	55

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
16	Bùi Đại	An Hải - Lý Sơn	96679	Chuyến 1, 2/2014	110
17	Bùi Giống	An Hải - Lý Sơn	96338	Chuyến 3/2014	75
18	Dương Quang Sơn	An Hải - Lý Sơn	96149	Chuyến 4/2014	75
19	Dương Thanh Nhàng	An Hải - Lý Sơn	96048	Chuyến 1/2014	55
20	Dương Văn Nam	An Hải - Lý Sơn	96156	Chuyến 1, 2, 3/2014	165
21	Huỳnh Thu	An Hải - Lý Sơn	96579	Chuyến 3, 4/2014	150
22	Lê Phấn	An Hải - Lý Sơn	96459	Chuyến 1, 2, 3, 4/2014	220
23	Lê Văn Lộc	An Hải - Lý Sơn	96119	Chuyến 2, 3, 4/2014	165
24	Nguyễn Thành Châu	An Hải - Lý Sơn	96293	Chuyến 3, 4/2014	110
25	Nguyễn Văn Chí	An Hải - Lý Sơn	96345	Chuyến 3, 4/2014	110
26	Nguyễn Văn Dậu	An Hải - Lý Sơn	96457	Chuyến 1, 2, 3, 4/2014	220
27	Nguyễn Văn Thành	An Hải - Lý Sơn	96347	Chuyến 3, 4/2014	110
28	Nguyễn Văn Thinh	An Hải - Lý Sơn	96148	Chuyến 3/2014	55
29	Phạm Văn Bình	An Hải - Lý Sơn	96257	Chuyến 2/2014	55
30	Phùng Thoại	An Hải - Lý Sơn	96020	Chuyến 3, 4/2014	150
31	Trương Đình Phú	An Hải - Lý Sơn	96472	Chuyến 3, 4/2014	110
32	Võ Nam	An Hải - Lý Sơn	96218	Chuyến 2, 3/2014	110
33	Dương Văn Giàu	An Vĩnh - Lý Sơn	96452	Chuyến 1, 2, 3/2014	225
34	Nguyễn Đó	An Vĩnh - Lý Sơn	96185	Chuyến 3/2014	75

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
35	Nguyễn Tấn Điều	An Vĩnh - Lý Sơn	96464	Chuyến 2, 3/2014	150
36	Nguyễn Thanh Hồng	An Vĩnh - Lý Sơn	96192	Chuyến 1, 2, 3/2014	225
37	Lê Dìa	An Vĩnh - Lý Sơn	96239	Chuyến 4/2014	55
38	Lê Trúc	An Vĩnh - Lý Sơn	96392	Chuyến 4/2014	55
39	Phạm Mỹ	An Vĩnh - Lý Sơn	96197	Chuyến 3/2014	55
Huyện Bình Sơn					**10.273**
40	Bùi Đức Thanh	Bình Chánh - Bình Sơn	95194	Chuyến 2/2014	55
41	Bùi Hầu	Bình Chánh - Bình Sơn	95157	Chuyến 2/2014	75
42	Bùi Lành	Bình Chánh - Bình Sơn	95138	Chuyến 2, 3/2014	110
43	Bùi Tấn Lý	Bình Chánh - Bình Sơn	95168	Chuyến 2/2014	75
44	Bùi Thị Nga	Bình Chánh - Bình Sơn	90334	Chuyến 2/2014	75
45	Bùi Văn Lực	Bình Chánh - Bình Sơn	90241	Chuyến 2, 3/2014	60
46	Châu Bạt	Bình Chánh - Bình Sơn	90954	Chuyến 2, 3/2014	150
47	Châu Minh Sơn	Bình Chánh - Bình Sơn	95339	Chuyến 3/2014	100
48	Đặng Ngọc Sơn	Bình Chánh - Bình Sơn	95456	Chuyến 2/2014	75
49	Đỗ Mai Tấn	Bình Chánh - Bình Sơn	95429	Chuyến 2/2014	75
50	Hoàng Dược Sư	Bình Chánh - Bình Sơn	95195	Chuyến 2, 3/2014	110
51	Huỳnh Minh Dũng	Bình Chánh - Bình Sơn	95302	Chuyến 2/2014	75
52	Huỳnh Sơ	Bình Chánh - Bình Sơn	95539	Chuyến 3/2014	100
53	Huỳnh Tấn Thanh	Bình Chánh - Bình Sơn	95780	Chuyến 2/2014	75

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
54	Huỳnh Tấn Trung	Bình Chánh - Bình Sơn	95419	Chuyến 2/2014	75
55	Lê Hồng Hạnh	Bình Chánh - Bình Sơn	95490	Chuyến 3, 4/2014	200
56	Lê Son	Bình Chánh - Bình Sơn	95357	Chuyến 2/2014	75
57	Lê Thanh Điểu	Bình Chánh - Bình Sơn	95438	Chuyến 3, 4/2014	150
58	Mai Thành Văn	Bình Chánh - Bình Sơn	95870	Chuyến 2/2014	75
59	Ngô Thanh Phong	Bình Chánh - Bình Sơn	95753	Chuyến 1, 2/2014	150
60	Ngô Thanh Vinh	Bình Chánh - Bình Sơn	90918	Chuyến 2/2014	100
61	Ngô Văn Mến	Bình Chánh - Bình Sơn	95708	Chuyến 2/2014	75
62	Ngô Văn Thành	Bình Chánh - Bình Sơn	95255	Chuyến 2, 3, 4/2014	300
63	Nguyễn Đình Hiệp	Bình Chánh - Bình Sơn	90927	Chuyến 2/2014	55
64	Nguyễn Đức Hà	Bình Chánh - Bình Sơn	95474	Chuyến 2/2014	75
65	Nguyễn Đức Thọ	Bình Chánh - Bình Sơn	95555	Chuyến 2/2014	55
66	Nguyễn Hà	Bình Chánh - Bình Sơn	90014	Chuyến 1/2014	22
67	Nguyễn Hồng Đương	Bình Chánh - Bình Sơn	95771	Chuyến 2/2014	75
68	Nguyễn Hữu Ngọt	Bình Chánh - Bình Sơn	90686	Chuyến 3/2014	100
69	Nguyễn Khắc Vĩ	Bình Chánh - Bình Sơn	95554	Chuyến 2/2014	75
70	Nguyễn Mạnh	Bình Chánh - Bình Sơn	95744	Chuyến 3/2014	55
71	Nguyễn Minh	Bình Chánh - Bình Sơn	95454	Chuyến 2/2014	100
72	Nguyễn Minh	Bình Chánh - Bình Sơn	95618	Chuyến 2/2014	55
73	Nguyễn Năm	Bình Chánh - Bình Sơn	95999	Chuyến 2/2014	75

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
74	Nguyễn Ngọc Quý	Bình Chánh - Bình Sơn	95186	Chuyến 2/2014	55
75	Nguyễn Ngọc Trai	Bình Chánh - Bình Sơn	90156	Chuyến 3, 4/2014	110
76	Nguyễn Quang Xuân	Bình Chánh - Bình Sơn	95924	Chuyến 3/2014	75
77	Nguyễn Tài Phố	Bình Chánh - Bình Sơn	90295	Chuyến 1/2014	75
78	Nguyễn Tấn Cải	Bình Chánh - Bình Sơn	90431	Chuyến 2/2014	75
79	Nguyễn Tấn Cần	Bình Chánh - Bình Sơn	95005	Chuyến 2/2014	75
80	Nguyễn Tấn Điệp	Bình Chánh - Bình Sơn	90684	Chuyến 4/2014	100
81	Nguyễn Tấn Dũng	Bình Chánh - Bình Sơn	95852	Chuyến 2, 3/2014	150
82	Nguyễn Tấn Lạc	Bình Chánh - Bình Sơn	95663	Chuyến 2/2014	75
83	Nguyễn Tấn Toàn	Bình Chánh - Bình Sơn	95886	Chuyến 3/2014	55
84	Nguyễn Tha	Bình Chánh - Bình Sơn	95492	Chuyến 2, 3/2014	150
85	Nguyễn Thanh Vân	Bình Chánh - Bình Sơn	95528	Chuyến 2/2014	55
86	Nguyễn Thị Ái Nữ	Bình Chánh - Bình Sơn	95960	Chuyến 2/2014	75
87	Nguyễn Thị Kim	Bình Chánh - Bình Sơn	90459	Chuyến 3/2014	100
88	Nguyễn Thùy	Bình Chánh - Bình Sơn	95409	Chuyến 3, 4/2014	150
89	Nguyễn Văn Hải	Bình Chánh - Bình Sơn	95902	Chuyến 3/2014	75
90	Nguyễn Văn Thà	Bình Chánh - Bình Sơn	95717	Chuyến 3/2014	75
91	Nguyễn Văn Trung	Bình Chánh - Bình Sơn	90368	Chuyến 3/2014	75
92	Phạm Thế Hoang	Bình Chánh - Bình Sơn	95104	Chuyến 2/2014	75
93	Phạm Văn Hạnh	Bình Chánh - Bình Sơn	95979	Chuyến 2/2014	75

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
94	Trần Cầu	Bình Chánh - Bình Sơn	95889	Chuyến 2, 3/2014	150
95	Trần Dân	Bình Chánh - Bình Sơn	95609	Chuyến 2/2014	75
96	Trần Quận	Bình Chánh - Bình Sơn	95807	Chuyến 2/2014	75
97	Trần Tức	Bình Chánh - Bình Sơn	90522	Chuyến 2/2014	100
98	Trần Văn Dân	Bình Chánh - Bình Sơn	95267	Chuyến 2/2014	75
99	Trương Văn Tý	Bình Chánh - Bình Sơn	95320	Chuyến 2/2014	75
100	Võ Duy Chưa	Bình Chánh - Bình Sơn	95951	Chuyến 2/2014	75
101	Võ Minh Hiền	Bình Chánh - Bình Sơn	95221	Chuyến 2/2014	55
102	Võ Thanh Hùng	Bình Chánh - Bình Sơn	95591	Chuyến 2/2014	75
103	Ngô Văn Thân	Bình Chánh - Bình Sơn	95726	Chuyến 2/2014	55
104	Nguyễn Đức Vỹ	Bình Chánh - Bình Sơn	95410	Chuyến 2/2014	75
105	Nguyễn Duy Thanh	Bình Chánh - Bình Sơn	90251	Chuyến 2/2014	75
106	Phạm Sứu	Bình Chánh - Bình Sơn	95392	Chuyến 2/2014	55
107	Võ Lung	Bình Chánh - Bình Sơn	95290	Chuyến 3/2014	75
108	Bùi Bích Na	Bình Châu - Bình Sơn	90343	Chuyến 2/2014	100
109	Bùi Ngọc Lành	Bình Châu - Bình Sơn	90289	Chuyến 3/2014	55
110	Bùi Ngọc Lượng	Bình Châu - Bình Sơn	95806	Chuyến 4/2014	55
111	Đặng Bi	Bình Châu - Bình Sơn	90440	Chuyến 1, 2/2014	200
112	Đặng Duy Bình	Bình Châu - Bình Sơn	90253	Chuyến 3/2014	100
113	Dương Tấn Đồng	Bình Châu - Bình Sơn	90244	Chuyến 3/2014	75

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
114	Lê Thanh Quang	Bình Châu - Bình Sơn	90945	Chuyến 3, 4/2014	200
115	Ngô Văn Dũng	Bình Châu - Bình Sơn	90036	Chuyến 3/2014	75
116	Nguyễn Bình	Bình Châu - Bình Sơn	95426	Chuyến 4/2014	100
117	Nguyễn Chính	Bình Châu - Bình Sơn	95355	Chuyến 4/2014	75
118	Nguyễn Tấn Luận	Bình Châu - Bình Sơn	90847	Chuyến 2, 3/2014	150
119	Nguyễn Thanh Biên	Bình Châu - Bình Sơn	90649	Chuyến 3/2014	75
120	Nguyễn Văn Cu	Bình Châu - Bình Sơn	90349	Chuyến 3/2014	75
121	Phạm Bình	Bình Châu - Bình Sơn	95797	Chuyến 2/2014	55
122	Phạm Nhành	Bình Châu - Bình Sơn	90569	Chuyến 4/2014	75
123	Phạm Văn Phú	Bình Châu - Bình Sơn	90602	Chuyến 4/2014	55
124	Trần Thế Anh	Bình Châu - Bình Sơn	90978	Chuyến 4/2014	75
125	Trương Quang Thân	Bình Châu - Bình Sơn	95996	Chuyến 3/2014	75
126	Trương Quang Thiên	Bình Châu - Bình Sơn	90127	Chuyến 3/2014	75
127	Trương Tày	Bình Châu - Bình Sơn	95337	Chuyến 3/2014	75
128	Trương Văn Dũng	Bình Châu - Bình Sơn	90727	Chuyến 1/2014	100
129	Võ Bá Tổng	Bình Châu - Bình Sơn	90442	Chuyến 2/2014	75
130	Võ Cu	Bình Châu - Bình Sơn	90899	Chuyến 4/2014	100
131	Võ Hải	Bình Châu - Bình Sơn	90188	Chuyến 1/2014	100
132	Võ Hải	Bình Châu - Bình Sơn	95779	Chuyến 2/2014	55
133	Võ Lâm	Bình Châu - Bình Sơn	90779	Chuyến 3/2014	100

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
134	Võ Ngọt	Bình Châu - Bình Sơn	90027	Chuyến 4/2014	75
135	Bùi Văn Cu	Bình Châu - Bình Sơn	95861	Chuyến 1/2014	100
136	Đặng Tằm	Bình Châu - Bình Sơn	90281	Chuyến 4/2014	22
137	Dương Văn Rin	Bình Châu - Bình Sơn	95057	Chuyến 4/2014	75
138	Hồ Văn Sa	Bình Châu - Bình Sơn	90215	Chuyến 3/2014	55
139	Ngô Văn Sáu	Bình Châu - Bình Sơn	95617	Chuyến 2/2014	75
140	Nguyễn Cư	Bình Châu - Bình Sơn	95642	Chuyến 3/2014	55
141	Nguyễn Minh Nhựt	Bình Châu - Bình Sơn	90225	Chuyến 2/2014	75
142	Nguyễn Tấn Cu	Bình Châu - Bình Sơn	90567	Chuyến 3, 4/2014	150
143	Nguyễn Tấn Tư	Bình Châu - Bình Sơn	90576	Chuyến 3/2014	55
144	Nguyễn Tấn Vũ	Bình Châu - Bình Sơn	90568	Chuyến 1/2014	75
145	Nguyễn Văn Bay	Bình Châu - Bình Sơn	90172	Chuyến 3, 4/2014	150
146	Phạm Trung Kiên	Bình Châu - Bình Sơn	95193	Chuyến 4/2014	55
147	Phạm Văn Mảng	Bình Châu - Bình Sơn	90909	Chuyến 4/2014	75
148	Tiêu Viết Thường	Bình Châu - Bình Sơn	90037	Chuyến 4/2014	75
149	Trương Văn Hoàng	Bình Châu - Bình Sơn	90456	Chuyến 1/2014	75
150	Võ Nhị	Bình Châu - Bình Sơn	95814	Chuyến 4/2014	75
151	Võ Văn Thành	Bình Châu - Bình Sơn	90999	Chuyến 1/2014	30
152	Nguyễn Duy Quân	Bình Đông - Bình Sơn	95921	Chuyến 4/2014	55
153	Nguyễn Văn Trưởng	Bình Phước - Bình Sơn	95563	Chuyến 3, 4/2014	110

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
154	Nguyễn Anh Dũng	Bình Thạnh - Bình Sơn	90269	Chuyến 2/2014	100
155	Trần Hai	Bình Thạnh - Bình Sơn	95285	Chuyến 1, 2/2014	44
156	Trần Văn Quang	Bình Thạnh - Bình Sơn	90917	Chuyến 1, 2, 3, 4/2014	220
157	Trần Anh	Bình Thạnh - Bình Sơn	95743	Chuyến 3/2014	55
Thành phố Quảng Ngãi					**4.210**
158	Đặng Võ	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92488	Chuyến 4/2014	55
159	Huỳnh Ngọc Đồ	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92180	Chuyến 3/2014	55
160	Huỳnh Tấn Hoàng	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97827	Chuyến 3/2014	30
161	Huỳnh Thanh Cu	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97456	Chuyến 4/2014	30
162	Lê Giúp	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97016	Chuyến 3, 4/2014	110
163	Lê Kiếm	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97786	Chuyến 4/2014	30
164	Lê Ngọc Thanh	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92939	Chuyến 4/2014	30
165	Lê Quang Châu	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92837	Chuyến 4/2014	55
166	Lê Quốc Đại	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92403	Chuyến 3, 4/2014	60
167	Lê Tấn Tề	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92487	Chuyến 3/2014	30
168	Lê Thắng Nghề	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97029	Chuyến 3, 4/2014	110
169	Nguyễn Lắc	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97166	Chuyến 4/2014	55
170	Nguyễn Liêm	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92032	Chuyến 4/2014	55
171	Nguyễn Ngọc Dự	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97110	Chuyến 3, 4/2014	60
172	Nguyễn Văn Cu	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92445	Chuyến 4/2014	55

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
173	Nguyễn Văn Thạch	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97051	Chuyến 3, 4/2014	110
174	Phạm Cặn	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92007	Chuyến 3/2014	55
175	Phạm Hết	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97068	Chuyến 1, 2, 3, 4/2014	220
176	Phạm Ngọc Phương	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97826	Chuyến 3/2014	55
177	Phạm Tấn Hòa	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97735	Chuyến 1/2014	55
178	Phạm Thành	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97017	Chuyến 4/2014	55
179	Trần Bê	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92366	Chuyến 4/2014	55
180	Trần Bình Nguyên	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97659	Chuyến 4/2014	55
181	Trần Cờ	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92706	Chuyến 4/2014	55
182	Trần Hồng	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92913	Chuyến 4/2014	30
183	Trần Hùng	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92671	Chuyến 4/2014	55
184	Trần Minh Tân	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92047	Chuyến 4/2014	55
185	Trần Ngọc Nga	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92221	Chuyến 2, 3/2014	150
186	Trần Thành	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92004	Chuyến 3/2014	30
187	Trần U	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97018	Chuyến 4/2014	55
188	Trần Văn Búp	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92882	Chuyến 4/2014	30
189	Trần Văn Dân	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92195	Chuyến 4/2014	30
190	Trần Văn Đung	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97809	Chuyến 4/2014	55
191	Trần Viết Tiết	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92813	Chuyến 1, 2, 3, 4/2014	220

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
192	Trịnh Văn Bèo	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92219	Chuyến 2, 3/2014	60
193	Võ Lai Em	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92687	Chuyến 4/2014	55
194	Võ Tấn Công	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97402	Chuyến 1/2014	30
195	Huỳnh Tấn Hiền	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97636	Chuyến 1, 2/2014	150
196	Huỳnh Tấn Lòng	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92660	Chuyến 1, 2/2014	150
197	Lê Hiếu	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92828	Chuyến 3/2014	55
198	Lê Nô	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92602	Chuyến 4/2014	55
199	Lê Thắng Công	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97522	Chuyến 4/2014	75
200	Lê Văn Hùng	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92497	Chuyến 4/2014	75
201	Lý Phụng	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97054	Chuyến 4/2014	55
202	Nguyễn Đức	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92972	Chuyến 2, 3/2014	150
203	Nguyễn Hoàng Huy	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92796	Chuyến 4/2014	30
204	Phạm Kha	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92173	Chuyến 3/2014	55
205	Phạm Văn Phà	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92463	Chuyến 3/2014	55
206	Trần Minh Nguyện	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92640	Chuyến 1, 2/2014	150
207	Trần Ngọc Thư	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92841	Chuyến 1, 2/2014	150
208	Trần Nhan	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97417	Chuyến 3, 4/2014	150
209	Trần Quốc Khanh	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92486	Chuyến 1, 2/2014	150
210	Trần Thành	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97471	Chuyến 1, 2/2014	150
211	Võ Thành Mẫn	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92337	Chuyến 3, 4/2014	110

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
212	Lâm Ngọc Tân	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92320	Chuyến 4/2014	55
Huyện Đức Phổ					**11.914**
213	Bùi Công Cày	Phổ An - Đức Phổ	94698	Chuyến 3, 4/2014	150
214	Châu Minh Hải	Phổ An - Đức Phổ	94637	Chuyến 3, 4/2014	150
215	Châu Minh Hừng	Phổ An - Đức Phổ	94042	Chuyến 3/2014	75
216	Huỳnh Tấn Chinh	Phổ An - Đức Phổ	94568	Chuyến 3/2014	75
217	Nguyễn Đình Bê	Phổ An - Đức Phổ	98955	Chuyến 3, 4/2014	200
218	Nguyễn Đình Quang	Phổ An - Đức Phổ	98057	Chuyến 3, 4/2014	150
219	Nguyễn Hữu Nhị	Phổ An - Đức Phổ	94549	Chuyến 1, 2, 3/2014	90
220	Nguyễn Kiệm	Phổ An - Đức Phổ	94257	Chuyến 3, 4/2014	110
221	Nguyễn Ngọc Nga	Phổ An - Đức Phổ	98588	Chuyến 3/2014	55
222	Nguyễn Quốc Thái	Phổ An - Đức Phổ	98536	Chuyến 2/2014	75
223	Nguyễn Sương	Phổ An - Đức Phổ	94509	Chuyến 4/2014	75
224	Nguyễn Văn Sinh	Phổ An - Đức Phổ	98557	Chuyến 3, 4/2014	200
225	Phạm Thái	Phổ An - Đức Phổ	98425	Chuyến 3, 4/2014	150
226	Phạm Vương	Phổ An - Đức Phổ	98907	Chuyến 4/2014	75
227	Tô Thị Hà	Phổ An - Đức Phổ	94567	Chuyến 3/2014	75
228	Văn Đức Trai	Phổ An - Đức Phổ	98308	Chuyến 4/2014	75
229	Văn Thị Sửu	Phổ An - Đức Phổ	98488	Chuyến 3, 4/2014	110
230	Nguyễn Văn Hừng	Phổ An - Đức Phổ	94772	Chuyến 3, 4/2014	200

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
231	Phạm Hùng	Phổ An - Đức Phổ	94899	Chuyến 4/2014	75
232	Đặng Văn Siêng	Phổ Châu - Đức Phổ	94934	Chuyến 2, 3/2014	110
233	Đặng Văn Tròn	Phổ Châu - Đức Phổ	94105	Chuyến 3, 4/2014	110
234	Huỳnh Đa	Phổ Châu - Đức Phổ	94305	Chuyến 3, 4/2014	110
235	Huỳnh Dũng	Phổ Châu - Đức Phổ	94095	Chuyến 4/2014	75
236	Lê Diệu	Phổ Châu - Đức Phổ	94010	Chuyến 3/2014	55
237	Lê Diệu	Phổ Châu - Đức Phổ	98082	Chuyến 3/2014	75
238	Lê Tới	Phổ Châu - Đức Phổ	94617	Chuyến 4/2014	75
239	Lê Văn Sen	Phổ Châu - Đức Phổ	98519	Chuyến 3, 4/2014	150
240	Nguyễn Thanh Hồng	Phổ Châu - Đức Phổ	94841	Chuyến 2, 3/2014	110
241	Nguyễn Văn Ngà	Phổ Châu - Đức Phổ	98084	Chuyến 3/2014	55
242	Nguyễn Văn Tàu	Phổ Châu - Đức Phổ	98363	Chuyến 1/2014	22
243	Nguyễn Văn Xô	Phổ Châu - Đức Phổ	94301	Chuyến 2, 3, 4/2014	165
244	Nguyễn Văn Xô	Phổ Châu - Đức Phổ	98424	Chuyến 2, 3, 4/2014	225
245	Phạm Thị Cúc	Phổ Châu - Đức Phổ	94857	Chuyến 4/2014	55
246	Trần Sĩ	Phổ Châu - Đức Phổ	94184	Chuyến 2, 3/2014	110
247	Trần Sĩ	Phổ Châu - Đức Phổ	94706	Chuyến 2, 3/2014	150
248	Đặng Sang	Phổ Châu - Đức Phổ	94373	Chuyến 3, 4/2014	150
249	Lê Diệu	Phổ Châu - Đức Phổ	98734	Chuyến 1/2014	22
250	Lê Thành Đạt	Phổ Châu - Đức Phổ	98278	Chuyến 3, 4/2014	110

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
251	Lê Văn Pháp	Phổ Châu - Đức Phổ	98958	Chuyến 3, 4/2014	110
252	Lê Văn Toàn	Phổ Châu - Đức Phổ	94776	Chuyến 3, 4/2014	150
253	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94101	Chuyến 4/2014	55
254	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94103	Chuyến 3/2014	55
255	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94175	Chuyến 2/2014	55
256	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94407	Chuyến 4/2014	55
257	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94669	Chuyến 3/2014	55
258	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94768	Chuyến 2/2014	55
259	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	98609	Chuyến 1/2014	55
260	Đồng Văn Tám	Phổ Quang - Đức Phổ	94336	Chuyến 4/2014	55
261	Hành Văn Hóa	Phổ Quang - Đức Phổ	98909	Chuyến 3, 4/2014	150
262	Huỳnh Đàn	Phổ Quang - Đức Phổ	98235	Chuyến 4/2014	55
263	Huỳnh Muộn	Phổ Quang - Đức Phổ	98388	Chuyến 4/2014	75
264	Huỳnh Mỹ	Phổ Quang - Đức Phổ	94489	Chuyến 4/2014	55
265	Huỳnh Ngọc	Phổ Quang - Đức Phổ	94279	Chuyến 4/2014	75
266	Huỳnh Thanh Tâm	Phổ Quang - Đức Phổ	98949	Chuyến 4/2014	55
267	Lê Cận	Phổ Quang - Đức Phổ	98357	Chuyến 4/2014	55
268	Lê Cận	Phổ Quang - Đức Phổ	98579	Chuyến 4/2014	100
269	Lê Do	Phổ Quang - Đức Phổ	98529	Chuyến 3/2014	30
270	Lê Kế	Phổ Quang - Đức Phổ	94369	Chuyến 4/2014	75

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
271	Lê Kế	Phổ Quang - Đức Phổ	94459	Chuyến 4/2014	55
272	Lê Khôi Việt	Phổ Quang - Đức Phổ	98859	Chuyến 4/2014	75
273	Lê Thị Cảnh	Phổ Quang - Đức Phổ	98587	Chuyến 4/2014	75
274	Ngô Văn Công	Phổ Quang - Đức Phổ	98001	Chuyến 3/2014	30
275	Nguyễn An	Phổ Quang - Đức Phổ	98064	Chuyến 4/2014	75
276	Nguyễn Cu	Phổ Quang - Đức Phổ	94020	Chuyến 4/2014	75
277	Nguyễn Đình Nghị	Phổ Quang - Đức Phổ	98974	Chuyến 4/2014	75
278	Nguyễn Duy Triên	Phổ Quang - Đức Phổ	94491	Chuyến 4/2014	55
279	Nguyễn Giáp	Phổ Quang - Đức Phổ	98666	Chuyến 4/2014	75
280	Nguyễn Ngọc Nghiệp	Phổ Quang - Đức Phổ	94666	Chuyến 3, 4/2014	150
281	Nguyễn Thanh Long	Phổ Quang - Đức Phổ	98469	Chuyến 4/2014	75
282	Nguyễn Thị Chút	Phổ Quang - Đức Phổ	98072	Chuyến 4/2014	75
283	Nguyễn Văn Ân	Phổ Quang - Đức Phổ	98997	Chuyến 4/2014	75
284	Nguyễn Văn Cư	Phổ Quang - Đức Phổ	94041	Chuyến 4/2014	75
285	Nguyễn Văn Lịch	Phổ Quang - Đức Phổ	98749	Chuyến 3/2014	75
286	Phan Văn Dựng	Phổ Quang - Đức Phổ	98676	Chuyến 4/2014	75
287	Trần Bảnh	Phổ Quang - Đức Phổ	98416	Chuyến 3, 4/2014	110
288	Trần Bay	Phổ Quang - Đức Phổ	98759	Chuyến 3, 4/2014	150
289	Trần Công Trứ	Phổ Quang - Đức Phổ	98016	Chuyến 4/2014	75
290	Trần Dán	Phổ Quang - Đức Phổ	98289	Chuyến 4/2014	55

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
291	Trần Đấu	Phổ Quang - Đức Phổ	94227	Chuyến 3/2014	75
292	Trần Lan	Phổ Quang - Đức Phổ	98362	Chuyến 4/2014	75
293	Trần Minh Tâm	Phổ Quang - Đức Phổ	98389	Chuyến 3, 4/2014	200
294	Trần Ngọc Dòn	Phổ Quang - Đức Phổ	94785	Chuyến 1, 2, 3/2014	165
295	Trần Ngọc Phước	Phổ Quang - Đức Phổ	94989	Chuyến 4/2014	75
296	Trần Sương	Phổ Quang - Đức Phổ	98525	Chuyến 4/2014	75
297	Trần Thị Kim Cúc	Phổ Quang - Đức Phổ	94129	Chuyến 4/2014	75
298	Võ Văn Dũng	Phổ Quang - Đức Phổ	94448	Chuyến 4/2014	55
299	Đặng Cận	Phổ Quang - Đức Phổ	98793	Chuyến 4/2014	75
300	Huỳnh By	Phổ Quang - Đức Phổ	94429	Chuyến 4/2014	75
301	Huỳnh Hộp	Phổ Quang - Đức Phổ	98459	Chuyến 1, 2, 3/2014	300
302	Lê Chánh	Phổ Quang - Đức Phổ	98559	Chuyến 3/2014	100
303	Ngô Thanh Phong	Phổ Quang - Đức Phổ	98888	Chuyến 4/2014	75
304	Nguyễn Lan	Phổ Quang - Đức Phổ	98927	Chuyến 4/2014	55
305	Nguyễn Tấn Truyền	Phổ Quang - Đức Phổ	98199	Chuyến 4/2014	55
306	Nguyễn Thành Sơn	Phổ Quang - Đức Phổ	98973	Chuyến 3, 4/2014	110
307	Nguyễn Văn Bắc	Phổ Quang - Đức Phổ	98894	Chuyến 2/2014	75
308	Nguyễn Văn Chí	Phổ Quang - Đức Phổ	98268	Chuyến 4/2014	75
309	Trần Nổi	Phổ Quang - Đức Phổ	98979	Chuyến 4/2014	75
310	Trương Tấn Úc	Phổ Quang - Đức Phổ	98239	Chuyến 1/2014	75

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
311	Võ Đình Min	Phổ Quang - Đức Phổ	94982	Chuyến 4/2014	100
312	Bùi Đức	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98624	Chuyến 1, 2/2014	110
313	Nguyễn Cu	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94780	Chuyến 3, 4/2014	150
314	Nguyễn Mới	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94394	Chuyến 4/2014	75
315	Nguyễn Mỹ	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94636	Chuyến 4/2014	55
316	Nguyễn Sáu	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98723	Chuyến 4/2014	55
317	Nguyễn Tám	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94624	Chuyến 3, 4/2014	110
318	Nguyễn Tám	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94646	Chuyến 3/2014	55
319	Nguyễn Thị Dương	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98027	Chuyến 4/2014	55
320	Nguyễn Tư	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98450	Chuyến 4/2014	55
321	Phạm Ngọc Trụ	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94590	Chuyến 1, 2/2014	150
322	Trần Cu Anh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98282	Chuyến 4/2014	55
323	Trần Nhân	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94608	Chuyến 3/2014	75
324	Trần Sinh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94554	Chuyến 4/2014	75
325	Trần Vũ Hoài Minh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98183	Chuyến 4/2014	75
326	Võ Đông Xuân	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94076	Chuyến 1, 2, 3/2014	225
327	Võ Ra Đô	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98885	Chuyến 1, 2/2014	150
328	Võ Tân	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98156	Chuyến 3, 4/2014	150
329	Nguyễn Minh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98747	Chuyến 4/2014	55
330	Nguyễn Thị Xuân Nồng	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98784	Chuyến 4/2014	55

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số ĐK QNg... TS	Số chuyến được hỗ trợ	Tổng tiền hỗ trợ
331	Huỳnh Văn Thủy	Phổ Văn - Đức Phổ	98618	Chuyến 2/2014	55
332	Huỳnh Kính	Phổ Vinh - Đức Phổ	98505	Chuyến 3/2014	55
333	Huỳnh Văn Viễn	Phổ Vinh - Đức Phổ	98165	Chuyến 4/2014	55
334	Ngô Nam Trung	Phổ Vinh - Đức Phổ	98895	Chuyến 3/2014	75
335	Nguyễn Hữu Lộc	Phổ Vinh - Đức Phổ	98506	Chuyến 1/2014	55
336	Nguyễn Thạt	Phổ Vinh - Đức Phổ	98735	Chuyến 4/2014	55
337	Nguyễn Thi	Phổ Vinh - Đức Phổ	98921	Chuyến 3/2014	75
338	Trần Văn Thả	Phổ Vinh - Đức Phổ	98036	Chuyến 4/2014	55
339	Võ Văn Khoa	Phổ Vinh - Đức Phổ	98705	Chuyến 2, 3/2014	150
340	Võ Văn Truyền	Phổ Vinh - Đức Phổ	94670	Chuyến 4/2014	75
341	Huỳnh Tấn Vỹ	Phổ Vinh - Đức Phổ	98938	Chuyến 4/2014	55
342	Huỳnh Văn Tiến	Phổ Vinh - Đức Phổ	98234	Chuyến 4/2014	75
343	Phạm Đậu	Phổ Vinh - Đức Phổ	98679	Chuyến 1/2014	75
344	Võ Kim Trang	Phổ Vinh - Đức Phổ	98967	Chuyến 4/2014	75
Tổng cộng					**30.942**

Bằng chữ: Ba mươi tỉ, chín trăm bốn mươi hai triệu đồng

Phụ lục 2:

DANH SÁCH TÀU CÁ THAM GIA KHAI THÁC VÙNG BIỂN XA ĐƯỢC HỖ TRỢ BẢO HIỂM (Thân tàu và Thuyền viên)

(Kèm theo Quyết định số 4356 /QĐ-UBND ngày 23 /10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: 1.000đồng

TT	Họ và tên	Nơi thường trú	Số QNg ...TS	Tổng tiền hỗ trợ Bảo hiểm		
				Thân tàu	Thuyền viên	Tổng cộng
Huyện Bình Sơn				**148.495**	**137.870**	**286.365**
1	Bùi Lành	Bình Chánh - Bình Sơn	95138		5.280	5.280
2	Bùi Văn Lực	Bình Chánh - Bình Sơn	90241	2.022		2.022
3	Châu Minh Sơn	Bình Chánh - Bình Sơn	95339	3.292	1.120	4.412
4	Đặng Ngọc Sơn	Bình Chánh - Bình Sơn	95456	2.585	5.440	8.025
5	Đỗ Mai Tấn	Bình Chánh - Bình Sơn	95429		4.800	4.800
6	Hoàng Dược Sư	Bình Chánh - Bình Sơn	95195	2.499	5.120	7.619
7	Huỳnh Minh Dũng	Bình Chánh - Bình Sơn	95302	2.480	4.800	7.280
8	Huỳnh Sơ	Bình Chánh - Bình Sơn	95539	2.970	5.120	8.090
9	Huỳnh Tấn Trung	Bình Chánh - Bình Sơn	95419	1.584	4.960	6.544
10	Lê Hồng Hạnh	Bình Chánh - Bình Sơn	95490		2.400	2.400
11	Lê Son	Bình Chánh - Bình Sơn	95357	2.200	5.760	7.960
12	Lê Thanh Điểu	Bình Chánh - Bình Sơn	95438	3.000		3.000
13	Nguyễn Đức Thọ	Bình Chánh - Bình Sơn	95555	2.239	4.800	7.039
14	Nguyễn Hữu Ngọt	Bình Chánh - Bình Sơn	90686		1.920	1.920
15	Nguyễn Khắc Vĩ	Bình Chánh - Bình Sơn	95554	4.618	5.280	9.898

16	Nguyễn Mạnh	Bình Chánh - Bình Sơn	95744		5.280	5.280
17	Nguyễn Minh	Bình Chánh - Bình Sơn	95454	2.100		2.100
18	Nguyễn Minh	Bình Chánh - Bình Sơn	95618	3.850	4.960	8.810
19	Nguyễn Năm	Bình Chánh - Bình Sơn	95999	4.400		4.400
20	Nguyễn Quang Xuân	Bình Chánh - Bình Sơn	95924	2.925	5.120	8.045
21	Nguyễn Tấn Cải	Bình Chánh - Bình Sơn	90431	4.174		4.174
22	Nguyễn Tấn Điệp	Bình Chánh - Bình Sơn	90684	4.167	2.400	6.567
23	Nguyễn Tấn Dũng	Bình Chánh - Bình Sơn	95852	2.000		2.000
24	Nguyễn Tha	Bình Chánh - Bình Sơn	95492	3.000		3.000
25	Nguyễn Thanh Vân	Bình Chánh - Bình Sơn	95528	2.490	4.480	6.970
26	Nguyễn Thị Ái Nữ	Bình Chánh - Bình Sơn	95960		5.120	5.120
27	Nguyễn Thị Kim	Bình Chánh - Bình Sơn	90459	5.461		5.461
28	Nguyễn Thùy	Bình Chánh - Bình Sơn	95409	2.520	2.240	4.760
29	Nguyễn Văn Trung	Bình Chánh - Bình Sơn	90368		1.920	1.920
30	Phạm Văn Hạnh	Bình Chánh - Bình Sơn	95979	2.753		2.753
31	Trần Quận	Bình Chánh - Bình Sơn	95807	2.720		2.720
32	Trần Tức	Bình Chánh - Bình Sơn	90522		5.760	5.760
33	Trương Văn Tý	Bình Chánh - Bình Sơn	95320	3.194	5.280	8.474
34	Võ Duy Chưa	Bình Chánh - Bình Sơn	95951	2.502	5.760	8.262
35	Võ Minh Hiền	Bình Chánh - Bình Sơn	95221	3.000	4.480	7.480
36	Võ Thanh Hùng	Bình Chánh - Bình Sơn	95591	3.000	4.960	7.960

37	Nguyễn Đức Vỹ	Bình Chánh - Bình Sơn	95410		5.280	5.280
38	Nguyễn Duy Thanh	Bình Chánh - Bình Sơn	90251	3.103	6.240	9.343
39	Bùi Ngọc Lành	Bình Châu - Bình Sơn	90289	5.535	1.470	7.005
40	Nguyễn Thanh Biên	Bình Châu - Bình Sơn	90649	7.485	1.470	8.955
41	Phạm Nhành	Bình Châu - Bình Sơn	90569	7.194		7.194
42	Trương Quang Thiên	Bình Châu - Bình Sơn	90127	5.500	1.470	6.970
43	Trương Văn Dũng	Bình Châu - Bình Sơn	90727	7.373	1.540	8.913
44	Nguyễn Tấn Tư	Bình Châu - Bình Sơn	90576	1.930	1.400	3.330
45	Nguyễn Tấn Vũ	Bình Châu - Bình Sơn	90568	8.510	1.540	10.050
46	Trương Văn Hoàng	Bình Châu - Bình Sơn	90456	9.520		9.520
47	Võ Nhị	Bình Châu - Bình Sơn	95814	6.400		6.400
48	Nguyễn Duy Quân	Bình Đông - Bình Sơn	95921		800	800
49	Nguyễn Văn Trưởng	Bình Phước - Bình Sơn	95563	2.200		2.200
50	Trần Văn Quang	Bình Thạnh - Bình Sơn	90917		2.100	2.100
Thành phố Quảng Ngãi				**15.198**	**7.350**	**22.548**
51	Lê Ngọc Thanh	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92939	1.468		1.468
52	Lê Thắng Nghề	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97029	3.850	700	4.550
53	Nguyễn Liêm	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92032	1.930	1.890	3.820
54	Phạm Cặn	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92007	1.930	630	2.560
55	Phạm Hết	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97068	1.930		1.930
56	Trần Cờ	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92706	2.160		2.160
57	Trần Viết Tiết	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92813		2.100	2.100
58	Huỳnh Tấn Nghĩa	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97793		1.260	1.260
59	Lâm Ngọc Tân	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92320	1.930	770	2.700

Huyện Đức Phổ				**80.017**	**17.331**	**97.348**
60	Nguyễn Hữu Nhị	Phổ An - Đức Phổ	94549	3.272		3.272
61	Văn Thị Sửu	Phổ An - Đức Phổ	98488		696	696
62	Đặng Văn Tròn	Phổ Châu - Đức Phổ	94105	3.570	990	4.560
63	Huỳnh Dũng	Phổ Châu - Đức Phổ	94095	2.726	720	3.446
64	Lê Diệu	Phổ Châu - Đức Phổ	98082	6.375	900	7.275
65	Lê Văn Sen	Phổ Châu - Đức Phổ	98519	7.000	1.050	8.050
66	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94175	5.049	990	6.039
67	Nguyễn Văn Xô	Phổ Châu - Đức Phổ	94301		1.680	1.680
68	Nguyễn Văn Xô	Phổ Châu - Đức Phổ	98424	4.863	1.680	6.543
69	Đặng Sang	Phổ Châu - Đức Phổ	94373	4.590	990	5.580
70	Lê Văn Pháp	Phổ Châu - Đức Phổ	98958	6.435		6.435
71	Mai Xuân Thủy	Phổ Châu - Đức Phổ	94669	4.819	540	5.359
72	Huỳnh Ngọc	Phổ Quang - Đức Phổ	94279	3.825		3.825
73	Lê Cận	Phổ Quang - Đức Phổ	98357		870	870
74	Lê Cận	Phổ Quang - Đức Phổ	98579		696	696
75	Lê Do	Phổ Quang - Đức Phổ	98529		783	783
76	Nguyễn Giáp	Phổ Quang - Đức Phổ	98666		870	870
77	Nguyễn Thanh Long	Phổ Quang - Đức Phổ	98469		870	870
78	Võ Văn Dũng	Phổ Quang - Đức Phổ	94448		1.326	1.326
79	Nguyễn Tấn Truyền	Phổ Quang - Đức Phổ	98199		810	810
80	Nguyễn Tám	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94624	4.818		4.818
81	Nguyễn Tám	Phổ Thạnh - Đức Phổ	94646	4.050		4.050
82	Trần Cu Anh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98282	4.025		4.025
83	Trần Vũ Hoài Minh	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98183	1.924	870	2.794
84	Võ Ra Đô	Phổ Thạnh - Đức Phổ	98885	2.700		2.700
85	Huỳnh Kính	Phổ Vinh - Đức Phổ	98505	5.575		5.575

86	Võ Văn Khoa	Phổ Vinh - Đức Phổ	98705	4.401		4.401
Tổng cộng				**243.710**	**162.551**	**406.261**

Bằng chữ: Bốn trăm linh sáu triệu, hai trăm sáu mươi mốt ngàn đồng

Phụ lục 3:

DANH SÁCH TẤT CẢ THAM GIA KHAI THÁC VÙNG BIỂN XA ĐƯỢC HỖ TRỢ MÁY HF

(Kèm theo Quyết định số 3546 /QĐ-UBND ngày 23 /10/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: triệu đồng

TT	Họ và tên	Thường trú	Số QNg...TS	Tổng tiền hỗ trợ
Huyện Lý Sơn				**28**
1	Nguyễn Đó	An Vĩnh - Lý Sơn	96185	28
Huyện Bình Sơn				**308**
2	Đặng Ngọc Sơn	Bình Chánh - Bình Sơn	95456	28
3	Lê Hồng Hạnh	Bình Chánh - Bình Sơn	95490	28
4	Ngô Văn Thành	Bình Chánh - Bình Sơn	95255	28
5	Nguyễn Đức Thọ	Bình Chánh - Bình Sơn	95555	28
6	Trần Văn Dân	Bình Chánh - Bình Sơn	95267	28
7	Nguyễn Văn Cu	Bình Châu - Bình Sơn	90367	28
8	Trương Quang Thiên	Bình Châu - Bình Sơn	90127	28
9	Võ Bá Tổng	Bình Châu - Bình Sơn	90442	28
10	Võ Lâm	Bình Châu - Bình Sơn	90779	28
11	Võ Văn Hải	Bình Châu - Bình Sơn	90732	28
12	Trương Văn Hoàng	Bình Châu - Bình Sơn	90456	28
Thành phố Quảng Ngãi				**140**
13	Lê Tấn Tề	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92487	28
14	Trần Văn Đung	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97809	28
15	Huỳnh Tấn Lòng	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92660	28
16	Trần Ngọc Thư	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	92841	28
17	Trần Thành	Nghĩa An - thành phố Quảng Ngãi	97471	28
Huyện Đức Phổ				**84**
18	Bùi Công Cày	Phổ An - Đức Phổ	94698	28
19	Nguyễn Quốc Thái	Phổ An - Đức Phổ	98536	28
20	Trần Minh Tâm	Phổ Quang - Đức Phổ	98389	28
Tổng cộng				**560**

Bằng chữ: Năm trăm sáu mươi triệu đồng